UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11 /2011/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá, bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Quyết định số 116/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá; Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số: 224/TTr-STC-GCS ngày 30 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá, bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá, bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm Quyết định thi hành này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ,
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Báo Lâm Đồng;
- Như điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Đài PTTH Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Hòa

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá, bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh:

1. Giá bán báo của cơ quan ngôn luận Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Lâm Đồng khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

2. Giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá bán hoặc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước để làm văn phòng hoặc kinh doanh; giá cho thuê, mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ;

3. Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế;

4. Giá bán nước sạch cho sinh hoạt, cho các mục đích sử dụng khác;

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hóa, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không thông qua hình thức đấu giá;

6. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hoá được trợ giá, trợ cước vận chuyển. Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hoá, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

7. Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cụ thể tại địa phương;

8. Giá cụ thể các loại đất, giá cho thuê đất, mặt nước tại địa phương;

9. Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt do Nhà nước tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong đô thị, khu công nghiệp;

10. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá:

1. Xăng, dầu;

2. Xi măng;

3. Thép xây dựng;

4. Gạch xây;

5. Khí hoá lỏng;

6. Phân bón hoá học;

7. Thuốc bảo vệ thực vật;

8. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng, vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin;

9. Muối;

10. Sữa;

11. Đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện);

12. Thóc, gạo;

13. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám, chữa bệnh do Bộ Y tế quy định;

14. Một số loại thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm theo quy định của Bộ Tài chính;

15. Cà phê;

16. Mía cây nguyên liệu.

III. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện đăng ký giá:

1. Xăng, dầu;

2. Xi măng;

3. Thép xây dựng;

4. Gạch xây;

5. Khí dầu mỏ hoá lỏng – LPG (gas);

6. Phân bón hoá học;

7. Thuốc bảo vệ thực vật;

8. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng, vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin;

9. Muối;

10. Đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện);

11. Thóc, gạo;

12. Một số loại thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm theo quy định của Bộ Tài chính;

13. Sữa pha chế theo công thức dạng bột dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;

14. Than;

15. Sách giáo khoa;

16. Giấy in, giấy in báo, giấy viết;

17. Các dịch vụ bưu chính viễn thông thực hiện việc đăng ký giá theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

18. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

19. Giá buồng, phòng của các khách sạn, nhà nghỉ;

20. Mức giá dịch vụ tại các điểm tham quan, du lịch.

IV. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

1. Vật liệu nổ công nghiệp;

2. Dịch vụ tại cảng hàng không sân bay theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng hàng không do Giám đốc cảng hàng không, sân bay ban hành;

3. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

4. Cước vận tải bằng ôtô;

5. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Hòa